TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST Ngày: 15-9-2017 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Diền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: đường H, P 5, Q 11, tp H (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp BLB, xã BM, huyện V, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2017; biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BM. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo

làm ăn, cờ bạc, nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ, về nhà chửi và đánh đập chị. Tháng 06/2012 chị T đem con sống riêng và ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Đặng Thị Huế Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/10/2008 (cháu Tr đang chung sống với chị T). Tại tờ tường trình về ý kiến, nguyện vọng của con chung ngày 9/8/2017 thì cháu Đặng Thị Huế Tr, sinh năm 2008 có nguyện vọng được chung sống với chị T khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Bị đơn anh Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị T yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng của cháu Tr được chung sống với chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh Th, giao cháu Tr cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đặng Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với anh Th và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị T và anh Th kết hôn từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày do anh Th không lo làm ăn, cờ bạc, nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ, về nhà chửi và đánh đập chị. Tháng 06/2012 chị T và anh Th sống ly thân cho đến nay. Xét

thấy hôn nhân giữa chị T và anh Th không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 *(quy định ly hôn theo yêu cầu của một bên)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng của cháu Tr được chung sống với chị T khi cha mẹ ly hôn, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 *(quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thống nhất giao cháu Đặng Thị Huế Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/10/2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Anh Th được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị T chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn Th

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Huế Tr, giới tính nữ, sinh ngày 24/10/2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Trân hiện đang chung sống với chị T), anh Th không cấp dưỡng nuôi con. Anh Th được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 03131 ngày 15/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Nguyên đơn chị Lê Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017). Bị đơn anh Đặng Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Phượng